

PHIẾU HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC

NỘI DUNG	GHI CHÚ
Tên bài học/ chủ đề - Khôi lớp 7	Tuần 3 Tiết 9: NHỮNG CÂU HÁT VỀ TÌNH CẢM GIA ĐÌNH
Hoạt động 1: Đọc nội dung bài “ <i>Những câu hát về tình cảm gia đình</i> ”.	1. Thế nào là ca dao, dân ca? 2. Nêu nội dung và nghệ thuật của bài ca dao số 1 và số 4?

BÀI GHI CỦA HỌC SINH

CHỦ ĐỀ: CA DAO - DÂN CA

Tuần 3 Tiết 9: NHỮNG CÂU HÁT VỀ TÌNH CẢM GIA ĐÌNH

I. Đọc – hiểu chú thích

1. Khái niệm ca dao, dân ca: (Sgk/35)

- Những sáng tác dân gian trữ tình.
- Diễn tả đời sống nội tâm của con người.

2. Đọc – chú thích

- Thể loại: ca dao - dân ca
- Thể thơ: lục bát, lục bát biến thể.- PTBD: biểu cảm

II. Đọc – hiểu văn bản

1. Bài 1

a. Hình thức truyền đạt:

Là lời hát ru của mẹ với con - > Đặc sắc ở âm điệu, tình cảm.

b. Nội dung:

- Hai câu đầu:

Công cha - núi ngất trời -> Sự lớn lao, vững chãi

Nghĩa mẹ - nước biển Đông -> Nguồn yêu thương ngọt ngào

=> Hình dung cụ thể, sâu sắc hơn về công lao vĩnh hằng, vô tận của cha mẹ.

- Hai câu sau:

Điệp ngữ: núi, biển->Từ láy: mệnh mệnh -> Nhấn mạnh nét trùng điệp, nối tiếp

+ Thành ngữ “Cù lao chín chữ”: Cụ thể hoá công ơn cha mẹ, công lao cha mẹ vất vả nhiều bề.

c. Ý nghĩa

- Ca ngợi công ơn của cha mẹ-> Nhấn gửi về bổn phận của người làm con.

2. Bài 4:

a. Hình thức truyền đạt:

- Là lời của ông bà, cô bác với cháu.
- Cha mẹ dặn dò con cái.
- Anh em tâm sự với nhau.

b. Nội dung:

- Anh em:

+ Nào phải người xa

+ Cùng chung bác mẹ

+ Một nhà cùng thân

--> Từ ngữ chỉ sự gắn kết thống nhất.

- So sánh: “như thể tay chân” -> Tình cảm thiêng liêng, không thể tách rời.
- => Nhấn nhủ anh em phải hoà thuận để cha mẹ vui lòng

c. Ý nghĩa

- Khuyên nhủ anh em phải yêu thương, đùm bọc, giúp đỡ nhau.
- Đó cũng là cách báo đền chữ hiếu cụ thể với cha mẹ.

III. TỔNG KẾT

1. Nghệ thuật

- Thể thơ lục bát.- Âm điệu tâm tình, nhấn nhủ

2. Nội dung

- Diễn tả tình cảm gia đình.- Đó là tình cảm thiêng liêng, quý báu.

PHIẾU HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC

NỘI DUNG	GHI CHÚ
Tên bài học/ chủ đề - Khối lớp 7	Tuần 3 Tiết 10: NHỮNG CÂU HÁT VỀ TÌNH YÊU QUÊ HƯƠNG, ĐẤT NƯỚC, CON NGƯỜI
Hoạt động 1: Đọc nội dung bài “ <i>Những câu hát về tình yêu quê hương, đất nước, con người</i> ”.	1.Nêu nội dung và nghệ thuật của bài ca dao số 1 và số 4?

**BÀI GHI CỦA HỌC SINH
CHỦ ĐỀ: CA DAO - DÂN CA**

Tuần 3 Tiết 10: NHỮNG CÂU HÁT VỀ TÌNH YÊU QUÊ HƯƠNG, ĐẤT NƯỚC, CON NGƯỜI

I. Đọc – hiểu chú thích

1. Đọc 2. Chú thích

II. Đọc – hiểu văn bản

1. Bài 1:

- Lời của 2 người (1 nam, 1 nữ)
- Bố cục 2 phần: + Phần đầu lời người hỏi+ Phần sau lời người đáp
- Đây là lời của chàng trai và cô gái, hỏi đáp về những địa danh, đặc điểm của từng địa danh.=>Thể hiện tình yêu đối với quê hương đất nước.

2. Bài 2

- Các điệp từ, đảo từ và đối xứng (đứng bên tê đồng - đứng bên ni đồng); (mênh mông bát ngát - bát ngát mênh mông)
- + Tạo ấn tượng cảnh cánh đồng lúa bạt ngàn xanh tốt, nhìn ở phía nào cũng thấy mênh mông, rộng lớn, đẹp và trù phú.
- + Biểu hiện cảm xúc phần chân yêu quê hương, yêu đời của người nông dân
- Hai dòng cuối miêu tả hình ảnh cô gái. Cô gái được so sánh “như chên lúa đồng đồng” có sự tương đồng ở nét trẻ trung phơi phới và sức sống đang xuân.
- =>Chàng trai ngợi ca vẻ đẹp của quê hương đất nước, đồng thời bày tỏ tình cảm của mình với cô gái.

III. TỔNG KẾT/Ghi nhớ (SGK/T40)

IV. LUYỆN TẬP

- Viết một đoạn văn, nêu cảm nhận của em về bài ca dao số 1.

PHIẾU HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC

NỘI DUNG	GHI CHÚ
Tên bài học/ chủ đề - Khối lớp 7	Tuần 3 Tiết 11: NHỮNG CÂU HÁT THAN THÂN, NHỮNG CÂU HÁT CHÂM BIẾM
Hoạt động 1: Đọc nội dung bài “ <i>Những câu hát than thân, những câu hát châm biếm</i> ”.	1. Nêu nội dung và nghệ thuật của bài ca dao số 2 và 3 những câu hát than thân? 2. Nêu nội dung và nghệ thuật của bài ca dao số 1 và 2 những câu hát châm biếm?

**BÀI GHI CỦA HỌC SINH
CHỦ ĐỀ: CA DAO - DÂN CA**

**Tuần 3 Tiết 11: NHỮNG CÂU HÁT THAN THÂN.
NHỮNG CÂU HÁT CHÂM BIẾM**

I. Đọc – hiểu chú thích

1. Đọc 2. Chú thích

II. Đọc – hiểu văn bản

1. Những câu hát than thân

Bài 2: - Cách nói ẩn dụ: Tầm nhả tơ, kiến tìm mồi, hạc bay mồi cánh, cuốc kêu ra máu

→ Nỗi khổ nhiều bề của người lao động bị áp bức, bóc lột, chịu nhiều oan trái

Bài 3: Cách nói so sánh: Trái bần bé mọn bị “**gió đập sóng dồi**” xô đẩy, quăng quật trên sông nước mênh mông, không biết “**tấp vào đâu**”.

→ Số phận chìm nổi, lênh đênh, vô định của người phụ nữ trong xã hội PK.

2. Những câu hát châm biếm

Bài 1:- Lời người cháu giới thiệu về người chú:

+ Thói quen: Nghiện chè, nát rượu. + Lười biếng -> Nghệ thuật đối lập: cô yếm đào >< chú thôi. => Giễu cợt, mỉa mai những kẻ nghiện chè, nát rượu lười biếng, lại đòi cao sang, sung sướng.

Bài 2- Lời thầy bói nói với cô gái.

- Điều cô muốn bói: Những chuyện quan trọng trong cuộc sống.

- Cách phán của thầy bói: nói nước đôi, nói những điều hiển nhiên, chân lí.

=> Phê phán những kẻ mê tín dị đoan và hành nghề mê tín dị đoan.

III. TỔNG KẾT: Ghi nhớ (SGK/ 49,53)

PHIẾU HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC

NỘI DUNG	GHI CHÚ
Tên bài học/ chủ đề - Khối lớp 7	Tuần 3 Tiết 12: Từ láy
Hoạt động 1: Đọc nội dung bài “ <i>Từ láy</i> ”.	1. Có mấy loại từ láy? 2. Nghĩa của từ láy được tạo thành do đâu?

**BÀI GHI CỦA HỌC SINH
Tuần 3 Tiết 12: TỪ LÁY**

I. Tìm hiểu bài

1. Các loại từ láy. a. Ví dụ/sgk/41

- **đăm đăm**: có các tiếng lặp lại nhau hoàn toàn.
- **mếu máo**: có sự giống nhau về phụ âm đầu giữa các tiếng.
- **liêu xiêu**: có sự giống nhau về vần giữa các tiếng

b. Nhận xét

- Từ láy có hai loại:
- + Láy toàn bộ: các tiếng được lặp lại toàn bộ về âm, vần và thanh.
- + Láy bộ phận (láy âm, láy vần)

2. Nghĩa của từ láy:

a. Ví dụ/sgk/42

- **Ha hả, oa oa, gâu gâu**: nghĩa tạo thành do mô phỏng âm thanh.
- **lí nhí, li ti, tí hí**: nghĩa tạo thành do đặc tính âm thanh của vần “i” (nhỏ bé, nhẹ nhàng)
- **nhấp nhô, phập phồng, bập bênh**: nghĩa tạo thành do đặc tính của âm thanh, hòa phối âm thanh.
- **mềm mại, đo đở** : nghĩa tạo thành dựa vào nghĩa của tiếng gốc.

b. Nhận xét

Nghĩa của từ láy tạo thành nhờ đặc điểm âm thanh của tiếng và sự hòa phối âm thanh giữa các tiếng.

II. GHI NHỚ: (SGK/42)

III. LUYỆN TẬP:

Là bài tập 1,2,3,4 SGK/T43

HẾT